

Name: _____

Class _____

GRADE 7 - UNIT 1 – VOCABULARY TEST 2

No.	Word	Type	IPA	Meaning
1.	c_____b_____	n	/'kɑ:rdbɔ:rd/	bìa cứng
2.	b_____	n	/'benɪfɪt/	lợi ích
3.	m_____	n	/mə'tʃʊərəti/, /mə'tʊərəti/	sự trưởng thành
4.	d_____ ~ responsibility	n	/'du:ti/	trách nhiệm
5.	e_____	n	/'eksərsaɪz/	bài tập / bài thể dục
6.	fl_____	n	/flaɪt/	chuyến bay
7.	j_____	n	/'dʒɑ:gɪŋ/	môn đi bộ nhanh
8.	f_____	adj	/'feɪvərɪt/	yêu thích
9.	po_____ ~ well-known	adj	/'pɑ:pjələ/	phổ biến
10.	re_____ for Ving/N	adj	/rɪ'spɑ:nsəbl/	có trách nhiệm
11.	va_____	adj	/'væljuəbl/	có giá trị, đáng giá
12.	h__f_____	adj	/'helpfl/	có ích, hữu ích
13.	b_____	v	/bɪ'kʌm/	trở thành
14.	s_____	v	/ʃer/	chia sẻ, san sẻ
15.	h_____	v	/help/	giúp, cứu
16.	di_____ sth into sth	v	/dɪ'vaɪd/	chia cái gì thành
17.	be_____ to Noun	v	/bɪ'lə:ŋ/	thuộc về...
18.	re_____ = decrease	v	/rɪ'du:s/	giảm
19.	j_____ in + Ving/Noun	v	/dʒɔɪn/	tham gia cái gì/điều gì
20.	g__ u__	v	/get ʌp/	thức dậy

Ms. Huỳnh Anh Thư – 070 444 6752

